

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 4

Event 401 Boys 8 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Tran Hai, Long	8	Quan Tan Phu	35.15	34.84	
2	Tran Phan Nghe, Minh	8	Quan Phu Nhuan	35.90	35.08	
3	Nguyen Hoang, Quan	8	Quan Phu Nhuan	36.70	35.44	
4	Nguyen Tuan, Khoi	8	Quan 5	36.00	35.61	
5	Ho Hieu, Minh	8	Quan Phu Nhuan	38.80	36.45	
6	Nguyen Minh, Phuc	8	Quan 1	36.00	36.58	
7	Le Hoang, Minh	8	Quan Phu Nhuan	39.50	37.84	
8	Tran Bao, Son	8	Quan Go Vap	NT	38.47	
9	Ng Quoc Dang, Khoa	8	Quan Tan Phu	39.00	40.34	
10	Huynh, Anh	8	Quan 1	NT	41.38	
11	Duong Anh, Tuan	8	Quan 5	NT	43.81	
12	Hoang Vo Nhan, Bach	8	Quan 5	NT	44.49	
13	Bui Hoang Nam, Nguyen	8	Quan 1	NT	46.31	
14	Nguyen Chi, Hai	8	Quan 5	NT	46.66	
15	Ho Dai, Nghia	8	Quan 10	NT	47.43	
16	Dinh Y, Vuong	8	Quan 5	48.00	48.94	
17	Duong Gia, Hao	8	Quan 5	NT	49.90	
18	Nguyen Minh, Khang	8	Quan 1	NT	53.85	
19	Ng Tran Duy, Nhat	8	Quan 10	NT	56.59	
---	Nguyen Bao, Nguyen	8	Quan 5	NT	X38.58	
---	Ha Tien, Dat	8	Quan 3	NT	X40.67	

Event 402 Girls 8 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ng Tran Lan, Phuong	8	Quan Phu Nhuan	35.80	36.01	
2	Bui Khanh, Chi	8	Quan Phu Nhuan	36.80	36.34	
3	Nguyen Khanh, Chau	8	Quan Tan Phu	38.00	37.85	
4	Lo Phuong Bao, Ngan	8	Quan Tan Phu	40.00	38.18	
5	Vo My, Hanh	8	Quan Tan Phu	38.00	38.61	
6	Pham Do Tu, Duong	8	Quan Phu Nhuan	40.10	38.97	
7	Nguyen Minh, Thu	8	Quan 5	39.00	39.22	
8	Do Quynh, Chi	8	Quan 1	NT	40.14	
9	Phan Gia, Han	8	Quan Binh Thanh	39.00	40.73	
10	Huynh Ngoc Doanh, Doanh	8	Quan Phu Nhuan	40.50	41.03	
11	Vu Huong, Thao	8	Quan 1	39.00	42.05	
12	Le Diep, Anh	8	Quan 4	NT	42.10	
13	Doan Thi Uyen, Nhi	8	Quan Tan Phu	40.00	42.13	
14	Chu Pham Y, Binh	8	Quan Tan Phu	40.00	43.50	
15	Dao Ngoc Hoang, Anh	8	Quan 10	NT	43.75	
16	Ta Cong, Anh	8	Quan 1	NT	44.14	
17	Ngo Le Ha, Anh	8	Quan 3	40.00	45.28	
18	Nguyen Gia, Nghi	8	Quan 5	NT	46.68	
19	Nguyen Kim An, Anna	8	Quan 3	NT	47.65	
20	Le Hoang Kim, Phuc	8	Quan 5	53.00	47.80	
21	Yerang, Lee	8	Quan 4	NT	48.40	
22	Vo Bich Thien, Chau	8	Quan 5	NT	52.94	

Event 403 Boys 9 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ma Thanh Trung, Chinh	9	Quan 1	31.00	31.65	
2	Nguyen Gia, Phuc	9	Quan Phu Nhuan	33.85	33.23	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 4

(Event 403 Boys 9 Year Olds 50 LC Meter Freestyle)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
3	Hoang Nguyen Anh, Tu	9	Quan Tan Phu	34.00	33.79	
4	Lai Ung, Vu	9	Quan Phu Nhuan	34.60	34.04	
5	Vo Bao, Anh	9	Quan 4	36.00	34.40	
6	Tran Thien, Minh	9	Quan 1	34.00	34.84	
7	Phan Cam, Binh	9	Quan 1	34.00	34.87	
8	Hong Trien, Hoang	9	Quan 5	36.00	35.65	
9	Phan Gia, Hung	9	Quan Binh Thanh	33.00	35.99	
10	Bui Hoang, Minh	9	Quan Phu Nhuan	36.00	36.23	
11	Pham Cao, Thang	9	Quan 4	37.00	36.32	
12	Luu Ng Phuoc, Toan	9	Quan 5	37.00	36.66	
13	Tran Thanh, Nhan	9	Quan Tan Phu	35.00	36.84	
14	Nguyen Cao, Vinh	9	Quan Binh Thanh	34.00	36.98	
15	Thi Gia, Tuan	9	Quan Binh Thanh	37.00	37.31	
16	Nguyen Thien, Huu	9	Quan Binh Thanh	36.80	37.36	
17	Truong Minh, Tri	9	Quan 1	37.00	37.48	
18	Dang Hai, Thien	9	Quan Binh Thanh	37.60	38.20	
19	Tran Bao, Khoa	9	Quan Tan Phu	36.10	38.68	
20	Mai Cao, Vy	9	Quan 4	39.00	38.78	
21	Dang Duc Thien, Tue	9	Quan Binh Thanh	38.00	38.83	
22	Phan Le Minh, Truc	9	Quan Tan Phu	37.00	40.37	
23	Pham Minh, Tu	9	Quan 1	NT	41.22	
24	Phan Tu, Hung	9	Quan 1	NT	43.01	
25	Le Ho Khang, Phi	9	Quan 5	NT	43.91	
26	Lo Minh, Khang	9	Quan 1	39.00	44.15	
---	Le Hoang Minh, An	21	Quan Phu Nhuan	NT	X25.22	
---	Nguyen Phu, Gia	9	Quan 5	NT	NS	

Event 404 Girls 9 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Tran Tue, Lam	9	Quan 5	33.00	32.82	
2	Tse Yan, Bui	9	Quan 3	32.00	33.76	
3	Le Lan, Huong	9	Quan Phu Nhuan	35.50	33.86	
4	Tran Son, Ha	9	Quan Phu Nhuan	34.88	35.19	
5	Pham Do Phuong, Lam	9	Quan 5	34.00	35.39	
6	Hoang Do Ha, Quyen	9	Quan Phu Nhuan	35.00	36.27	
7	Pham Ngoc Gia, Han	9	Quan 1	36.00	36.28	
8	Phan Hoang, Ngan	9	Quan Tan Phu	37.00	36.90	
9	Vo Ng Bao, Ngan	9	Quan 5	36.00	37.96	
10	Nguyen Phuong, Nghi	9	Quan 5	36.00	38.67	
11	Vu Tran Hong, Phuc	9	Quan 3	37.00	38.69	
12	Vu Bao, Ngoc	9	Quan Tan Phu	37.85	39.11	
13	Tran Tue, Man	9	Quan 5	36.00	39.36	
14	Huynh Tran Thanh, Thuy	9	Quan 1	38.00	39.46	
15	Do Ngoc Bao, Tran	9	Quan Tan Phu	38.00	39.57	
16	Pham Huynh Ngoc, Suong	9	Quan Tan Phu	38.00	39.58	
17	Harang, Lee	9	Quan 4	NT	39.93	
18	Nguyen Chau Cat, Tuong	9	Quan Binh Thanh	NT	40.11	
19	Le Do Thuy, Khanh	9	Quan 3	40.00	40.33	
20	Ho An, Nhi	9	Quan 5	NT	40.86	
21	Le Huynh Mai, Kha	9	Quan Tan Phu	42.00	41.41	
22	Ng Thanh Thuy, Vy	9	Quan 5	NT	41.60	
23	Le Hoang Thanh, An	9	Quan Binh Thanh	NT	43.59	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 4

(Event 404 Girls 9 Year Olds 50 LC Meter Freestyle)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
24	Olivia, Hoang	9	Quan 3	NT	49.00	
25	Tran Bao, Vy	9	Quan 5	NT	54.35	

Event 405 Boys 10 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ha Quoc, Nguyen	10	Quan Tan Phu	29.98	29.32	
2	Tran Minh, Khoa	10	Quan 3	29.00	30.00	
3	Lai Ung, Hao	10	Quan Phu Nhuan	31.00	30.86	
4	Ng Le Nhat, Khoi	10	Quan 3	32.00	32.15	
5	Nguyen Trung, Hieu	10	Quan Phu Nhuan	32.50	32.20	
6	Tran Minh, Quang	10	Quan Tan Phu	32.50	33.79	
7	Ho Bao, Nam	10	Quan Phu Nhuan	33.80	34.04	
8	Phan Minh, Hung	10	Quan Binh Thanh	33.00	34.50	
9	Nguyen Chan, Phong	10	Quan Phu Nhuan	33.00	34.51	
10	Pham Hoang Anh, Khoi	10	Quan Tan Phu	33.78	34.66	
11	Nguyen Tuan, Khang	10	Quan 5	32.00	34.84	
12	Nguyen Tien, Phuoc	10	Quan Tan Phu	32.90	34.91	
13	Pham Bao, Di	10	Quan 1	33.00	35.09	
14	Nguyen Hieu, Phong	10	Quan Binh Thanh	33.05	35.14	
15	Huynh Minh, Phu	10	Quan 5	34.00	36.05	
16	Mai Phuc, Nguyen	10	Quan 5	NT	36.09	
17	Huynh Minh Hai, Long	10	Quan 1	34.00	36.61	
18	Nguyen Cao Thien, Phuc	10	Quan Tan Phu	36.00	36.92	
19	Tran Thai, Duong	10	Quan 5	NT	37.09	
20	Chung Vu Gia, Phuc	10	Quan Tan Phu	33.10	37.30	
21	Le Tu Minh, Khoi	10	Quan 1	NT	37.61	
22	Huynh Tri, Thien	10	Quan 1	NT	37.76	
23	Ng Dinh Son, Minh	10	Quan 5	37.00	37.83	
24	Hoang Minh Tuong, An	10	Quan 5	38.00	37.99	
25	Nguyen Gia, Bao	10	Quan Tan Phu	32.50	38.30	
26	Dang Thai, Bao	10	Quan 5	NT	38.47	
27	Nguyen Phuc, Nguyen	10	Quan 4	NT	38.66	
28	Ho Quoc, Dung	10	Quan 5	NT	41.90	
29	Tran Quang, Minh	10	Quan 1	NT	47.95	
---	Cong Gia, Hung	10	Quan 5	31.00	NS	

Event 406 Girls 10 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Nguyen Thi Tuong, An	10	Quan Phu Nhuan	32.00	32.18	
2	Le Hoang Gia, Han	10	Quan Tan Phu	32.25	32.29	
3	Ng Ngoc Quy, Tran	10	Quan Phu Nhuan	33.00	33.05	
4	Phung Ng Bich, Duyen	10	Quan Phu Nhuan	32.50	33.06	
5	Le Thanh, Ha	10	Quan Phu Nhuan	33.00	33.19	
6	Nguyen Truc, Nhu	10	Quan 5	34.00	33.33	
7	Doan Tran Quynh, Tram	10	Quan Binh Thanh	32.00	33.38	
8	Hua Gia, Nghi	10	Quan Binh Thanh	31.80	33.45	
9	Ho Bao, Ngoc	10	Quan Tan Phu	32.50	33.46	
10	Vu Thao, Nhi	10	Quan Phu Nhuan	36.00	34.67	
11	Huynh Thien, My	10	Quan Binh Thanh	33.00	34.79	
12	Ng Bao Lam, Anh	10	Quan 3	34.00	35.30	
13	Tran Ngoc, Mai	10	Quan 10	35.00	35.57	
14	Tran Pham Quynh, Thy	10	Quan 3	36.00	35.58	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 4

(Event 406 Girls 10 Year Olds 50 LC Meter Freestyle)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
15	Tran Tue, Lam	10	Quan Binh Thanh	36.00	36.07	
16	Ng Thi Ngoc, Truc	10	Quan Tan Phu	34.25	36.14	
17	Ng Ngoc Nha, Uyen	10	Quan 5	34.00	36.25	
18	Tran Bao Vy, Oanh	10	Quan Tan Phu	36.00	36.52	
19	Vuu Boi, Kim	10	Quan 5	35.00	37.52	
20	Pham Le An, Khoi	10	Quan 4	NT	37.93	
21	Dao Manh Khanh, Vi	10	Quan 3	36.00	37.95	
22	Truong Huynh Truc, Thao	10	Quan 5	38.00	38.02	
23	Ng Le Phuong, Vy	10	Quan 1	NT	38.53	
24	Ng Ngoc Bao, Nhi	10	Quan Tan Phu	37.00	38.93	
25	Nguyen Mai, Anh	10	Quan Phu Nhuan	39.40	39.82	
26	Le Hai, Thanh	10	Quan 1	NT	40.67	
27	Cu Trinh Gia, Han	10	Quan 1	NT	41.07	
28	Tran Bao, Ngoc	10	Quan 1	NT	41.68	
29	Le Hai, My	10	Quan 1	NT	42.18	
30	Do Quynh, Phuong	10	Quan 1	NT	44.28	
31	Ng Truong Thien, An	10	Quan 5	NT	45.52	
---	Nguyen Thuc, Quyen	10	Quan 5	NT	NS	

Event 407 Boys 11 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ng Dinh Gia, Huy	11	Quan Phu Nhuan	28.33	27.92	
2	Pham Truong, Thinh	11	Quan 5	29.00	28.43	
3	Le Bao, Chau	11	Quan 1	30.00	30.07	
*4	Le Phi, Thang	11	Quan Tan Binh	30.00	30.68	
*4	Ly Huy, Hoang	11	Quan 5	29.00	30.68	
6	Ha Gia, Hoang	11	Quan Tan Phu	30.15	30.94	
7	Mai Xuan, Minh	11	Quan Tan Binh	30.00	31.06	
8	Tran Huu, Dat	11	Quan Tan Phu	30.12	31.24	
9	Vu Hai, Phong	11	Quan Tan Binh	30.00	31.65	
10	Ng Hoang Dang, Khoi	11	Quan Phu Nhuan	32.50	32.24	
11	Ng Vu Phi, Long	11	Quan Tan Phu	32.23	32.46	
12	Nguyen Hai, Nam	11	Quan Tan Phu	31.90	32.64	
13	Nguyen Quoc Nhat, Minh	11	Quan 1	32.00	32.78	
14	Ng Pham Gia, Quang	11	Quan Phu Nhuan	31.00	33.12	
15	Nguyen Minh, Thai	11	Quan 5	35.00	33.30	
16	Ng Tran Dang, Khoi	11	Quan 5	33.00	33.46	
17	Nguyen Quang, Thang	11	Quan Tan Phu	32.20	33.71	
18	Dang Duc Hai, Dang	11	Quan 5	32.00	34.28	
19	Phan Tien, Thanh	11	Quan 3	33.00	34.32	
20	Vo Tuan, Anh	11	Quan 1	NT	35.19	
21	Dinh Tuan, Kiet	11	Quan Tan Phu	35.90	35.34	
22	Cao Minh Trong, Nghia	11	Quan 5	35.00	36.54	
23	Vuu Khai, An	11	Quan 5	33.00	36.58	
24	Doan Ng Minh, Long	11	Quan 3	35.00	36.70	
25	Hong Duc, Phong	11	Quan 5	34.00	36.75	
26	Pham Binh, Minh	11	Quan 1	NT	38.20	
27	Pham Ho Thanh, Lam	11	Quan Tan Phu	39.12	40.33	
---	Tran Gia, Phuc	11	Quan Phu Nhuan	29.90	NS	
---	Vu Tung, Bach	11	Quan Phu Nhuan	32.50	NS	
---	Phung Chan, Minh	11	Quan 1	34.00	NS	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 4

Event 408 Girls 11 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Vu Ngoc Hai, Bang	11	Quan 10	30.00	29.75	
2	Pham Ngoc Quynh, Nhu	11	Quan Tan Binh	31.00	30.65	
3	Hananh, White	11	Quan 5	32.00	31.25	
4	Vo Cat Gia, An	11	Quan 1	31.00	31.37	
5	Kieu Tran Tam, An	11	Quan 1	31.00	31.60	
6	Nguyen Que, An	11	Quan Phu Nhuan	31.50	32.10	
7	Le Ngoc Quynh, Chi	11	Quan Tan Phu	32.12	32.24	
8	Ng Vo Khanh, Ngoc	11	Quan 5	32.00	32.53	
9	Nguyen Quynh, Tram	11	Quan Tan Phu	31.90	32.58	
10	Hoang Le Thao, My	11	Quan Tan Phu	31.85	33.04	
11	Ng Ngoc Gia, Han	11	Quan Phu Nhuan	31.00	33.27	
12	Nguyen Phuc Bao, Ngan	11	Quan Binh Thanh	32.00	33.57	
13	Le Ngoc An, Nhien	11	Quan 1	33.00	34.02	
14	Ng Ho Phuong, Nhi	11	Quan 1	34.00	34.17	
15	Tran Bich Lam, Phuong	11	Quan 3	34.00	34.33	
16	Tran Dao Bao, Tran	11	Quan 5	33.00	34.37	
17	Ng Ngoc Bao, Yen	11	Quan Go Vap	NT	34.48	
18	Le Ho An, Phi	11	Quan 5	35.00	34.49	
19	Le Tran Minh, Anh	11	Quan 5	NT	34.62	
20	Ng Ngoc Bao, Tran	11	Quan 5	34.00	34.75	
21	Nguyen Diem, Quynh	11	Quan Phu Nhuan	33.80	34.84	
22	Phan Quynh, Nguyen	11	Quan Tan Phu	36.00	36.10	
23	Huynh Ng Thach, Thao	11	Quan Tan Phu	37.00	36.59	
24	Tran Vo Ha, Phuong	11	Quan 4	NT	36.88	
25	Lam Do Ngoc, Van	11	Quan Tan Phu	35.20	37.71	
26	Vu Hoang, Lam	11	Quan Tan Phu	39.00	40.45	
---	Nguyen Kim Ly, Kimberly	11	Quan 3	NT	NS	

Event 409 Boys 12 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Banh Tien, Hung	12	Quan Go Vap	26.00	26.70	
2	Pham Phuoc, Nhan	12	Quan Phu Nhuan	28.00	27.97	
3	Ng Vinh Thai, Bao	12	Quan 4	29.00	28.40	
4	Nguyen Tri, Viet	12	Quan 5	28.50	28.45	
5	Nguyen Anh, Quan	12	Quan Tan Binh	28.00	28.48	
6	Ha Quoc, Toan	12	Quan Tan Phu	30.21	28.64	
7	Dang Do Anh, Khoa	12	Quan Tan Phu	30.23	30.19	
8	Huynh Ng Le, Danh	12	Quan Tan Phu	29.98	30.70	
9	Thi Tat, Thanh	12	Quan Binh Thanh	31.00	32.43	
10	Ng Tran Gia, Phuc	12	Quan 4	NT	32.87	
11	Nguyen Anh, Huy	12	Quan 5	NT	32.92	
12	Le Truong Phu, Hung	12	Quan 4	33.00	33.17	
13	Bui Dong, Khoa	12	Quan 1	NT	33.19	
14	Ng Quang Thien, Phu	12	Quan 5	NT	35.05	
15	Vuong Tuan, Khang	12	Quan 5	36.00	35.80	
16	Pham Cao, Tri	12	Quan 4	NT	39.15	
---	Mai Cao, Tri	12	Quan 4	NT	NS	
---	Mach Trieu, Phong	12	Quan 3	29.00	NS	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 4

Event 410 Girls 12 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ho Quynh, Anh	12	Quan 5	28.50	28.48	
2	Nguyen Thao, Nhan	12	Quan Phu Nhuan	28.70	29.20	
3	Ng Thi An, Binh	12	Quan Phu Nhuan	29.00	29.25	
4	Dang Nguyen, Vy	12	Quan Phu Nhuan	30.00	30.91	
5	Ng Truong Bao, Nghi	12	Quan 5	29.50	31.30	
6	Ng Ngoc Bao, Ngan	12	Quan Tan Phu	30.95	32.03	
7	Vo Hoang Thao, Nguyen	12	Quan 3	33.00	32.76	
8	Tran Ngoc, Minh	12	Quan 3	32.00	32.81	
9	Hong Hieu, Doanh	12	Quan 5	32.00	32.89	
*10	Ng Huynh Bao, Ngoc	12	Quan Tan Phu	31.56	33.48	
*10	Tran Pham Quynh, Anh	12	Quan 3	33.00	33.48	
12	Le Pham Khanh, Quyen	12	Quan 1	NT	34.58	
---	Ho Minh Bao, Tram	12	Quan Tan Phu	31.90	NS	

Event 411 Boys 13 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Nguyen Duy, Khang	13	Quan 10	27.00	27.31	
2	Dang Nguyen, Khoi	13	Quan Binh Thanh	27.00	27.33	
3	Duong Minh, Quan	13	Quan Tan Phu	27.56	27.63	
4	Ng Gia, Bao	13	Quan 3	28.00	27.83	
5	Hoang Ng Anh, Khoi	13	Quan Tan Phu	28.20	27.95	
6	Tran Minh, Thien	13	Quan 5	28.50	28.20	
7	Phan, Anh	13	Quan 4	29.45	28.23	
8	Ng Hoang Tuan, Kiet	13	Quan Tan Binh	28.00	28.25	
9	Vo Phi, Khanh	13	Quan Tan Phu	28.58	28.34	
10	Vo Bao Minh, Khang	13	Quan Tan Phu	27.80	28.46	
*11	Vo Hoang, Dang	13	Quan Binh Thanh	28.00	28.51	
*11	Duong Minh Phuc, Anh	13	Quan 3	28.00	28.51	
13	Duong Nguyen Thanh, Tai	13	Quan 1	28.00	28.76	
14	Mai Thanh, Trieu	13	Quan 5	28.80	29.12	
15	Nguyen Tung, Lam	13	Quan Tan Phu	30.56	29.84	
16	Duong Minh Huy, Anh	13	Quan 3	31.00	31.78	
17	Ton That Quoc, Hoang	13	Quan Tan Phu	30.45	31.92	
18	Ton That Quoc, Huy	13	Quan Tan Phu	31.00	32.93	

Event 412 Girls 13 Year Olds 50 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Tran Thi Hue, Man	13	Quan 4	29.00	28.68	
2	Le Ngoc Mai, Phuong	13	Quan 5	28.90	29.03	
3	Nguyen Kim, Ngan	13	Quan Tan Phu	29.00	29.21	
4	Huynh Xuan, Uyen	13	Quan 5	29.30	29.52	
5	Vo Thuy Phuong, Nghi	13	Quan 1	29.00	29.79	
6	Le Bao, Linh	13	Quan 1	31.00	30.27	
7	Ng Thuy Thuy, Trang	13	Quan Tan Phu	29.20	30.48	
8	Pham Khanh, Linh	13	Quan 10	30.00	30.63	
9	Doan Nguyen, Ngoc	13	Quan 10	30.00	30.73	
10	Pham Sao, Mai	13	Quan 3	30.00	30.78	
11	Ng Ngoc Song, Linh	13	Quan Binh Thanh	32.20	31.08	
12	Lam Thi Thuy, Truc	13	Quan Binh Thanh	32.68	32.02	
13	Luu Thi Tam, Dung	13	Quan 1	33.00	32.14	
14	Le Ngoc Phuong, Uyen	13	Quan Binh Thanh	38.00	32.64	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 4

(Event 412 Girls 13 Year Olds 50 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
--- Doan Kim, Ly	13	Quan 1	29.00	NS	
--- Dang Diem Tam, Anh	13	Quan 5	NT	NS	

Event 413 Boys 14 Year Olds 100 LC Meter Freestyle

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Nam Gia, Bao	14	Quan Go Vap	56.00	56.32	
2 Ngo Choi Minh, Duc	14	Quan 1	57.00	56.33	
3 Ng Huynh Dong, Quan	14	Quan 1	57.00	57.57	
4 Nguyen Hiep, Phuoc	14	Quan Phu Nhuan	59.00	58.35	
5 Nguyen Khoi, Nguyen	14	Quan Phu Nhuan	59.00	58.95	
6 Tran Gia, Thuan	14	Quan Binh Thanh	58.80	59.44	
7 Lam Vi, Toan	14	Quan 6	1:00.00	1:00.37	
8 Nguyen Hiep, Thanh	14	Quan Phu Nhuan	59.00	1:00.41	
9 Thai Vi, Duc	14	Quan 6	1:01.00	1:01.92	
10 Tran Nguyen, Chuong	14	Quan 3	59.00	1:02.88	
11 La Quoc, Tan	14	Quan 5	1:04.00	1:05.54	
12 Tran, Tien	14	Quan 6	1:05.00	1:07.56	

Event 414 Girls 14 Year Olds 100 LC Meter Freestyle

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Ng Doan Minh, Anh	14	Quan Tan Binh	1:02.00	1:02.47	
2 Huynh Thien, Ngoc	14	Quan 5	1:00.00	1:02.48	
3 Vu Nguyen Boi, Anh	14	Quan 1	NT	1:03.04	
4 Banh Ngoc Thao, Tien	14	Quan Phu Nhuan	1:02.00	1:03.79	
5 Ng Hoa Lam, Ngoc	14	Quan 5	1:07.00	1:06.67	
6 Do Tran Hoang, Anh	14	Quan Phu Nhuan	1:04.00	1:07.23	
7 Pham My, Chau	14	Quan 5	1:00.00	1:07.73	
8 Tran Ngoc Bang, Tam	14	Quan Binh Thanh	1:04.00	1:11.44	
9 Ho Bao, Chau	14	Quan Tan Phu	1:08.00	1:12.18	
--- Vu Thi Phuong, Anh	15	Quan Tan Binh	NT	X1:00.64	
--- Van Khanh, Linh	14	Quan 5	NT	NS	
--- Tran Kim, Hao	14	Quan 4	NT	NS	

Event 415 Boys 14 Year Olds 100 LC Meter Freestyle

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Ng Phan Nhat, Quang	15	Quan Phu Nhuan	55.90	55.72	
2 Do Tran, An	15	Quan 1	55.00	55.94	
3 Bui Minh, Khang	15	Quan Phu Nhuan	55.00	56.00	
4 Tran Anh, Tu	15	Quan 1	55.00	56.67	
5 Hoang Tan Ngoc, Minh	15	Quan Phu Nhuan	55.00	57.08	
6 Doan Ng Huy, Dat	15	Quan Phu Nhuan	55.00	57.63	
7 Ngo Gia, Hao	15	Quan 3	59.00	57.64	
8 Hoang Tan, Khai	15	Quan 1	56.00	58.11	
9 Mai Cao, Khai	15	Quan 4	59.60	58.72	
10 Pham The, Lam	15	Quan 5	58.00	58.85	
11 Vu Tung, Duong	15	Quan Phu Nhuan	1:02.00	1:02.00	
12 Luu Nguyen, Duc	15	Quan 1	NT	1:06.25	
13 Do Phan Nhat, Khang	15	Quan 1	NT	1:06.30	
--- Lai Duc, Khiem	15	Quan 4	NT	X54.43	
--- Truong Viet, Vu	15	Quan 1	NT	X54.89	
--- Nguyen Quoc, Thuan	15	Quan 5	NT	X56.23	
--- Do Tran Hoang, Loc	15	Quan Phu Nhuan	NT	X59.43	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 4

(Event 415 Boys 14 Year Olds 100 LC Meter Freestyle)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
---	Ng Quang Trung, Hieu	15	Quan Phu Nhuan	56.90	NS	
---	Tran Hoang, Bach	15	Quan 10	NT	XNS	

Event 416 Girls 15 Year Olds 100 LC Meter Freestyle

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Vu Thi Phuong, Anh	15	Quan Tan Binh	58.00	58.58	
2	Ng Ngoc Thuy, Tien	15	Quan 10	59.45	59.16	
3	Le Nguyen Nhu, Quynh	15	Quan 1	1:02.00	1:03.26	
4	Lam Gia, Han	15	Quan 3	1:05.00	1:08.25	
5	Le Pham Khanh, Vy	15	Quan 1	NT	1:13.98	
6	Le Pham Nhu, Y	15	Quan 5	NT	1:19.80	
---	Dang Tran Bao, Tien	15	Quan Go Vap	NT	X1:06.13	
---	Dang Ng Phuong, Tram	15	Quan Phu Nhuan	1:06.00	NS	
---	Nguyen Kha, Nhi	15	Quan 1	59.00	NS	